

## ĐỘNG CƠ, KÌ VỌNG VÀ SỰ CHUẨN BỊ CHO VIỆC HỌC ĐẠI HỌC CỦA SINH VIÊN NĂM NHẤT NGÀNH KẾ TOÁN

Lê Thị Bảo Như

*Khoa Tài chính – Kế toán – Ngân hàng, Trường Đại học Phan Thiết, Bình Thuận*

**Tóm tắt.** Cùng với quá trình chuyển đổi và hội nhập quốc tế, việc chú trọng và nâng cao chất lượng đào tạo đại học là vấn đề hết sức cần thiết. Nhằm tạo điều kiện học tập và phát triển kỹ năng tốt nhất cho sinh viên ngay từ những ngày đầu bước chân vào giảng đường đại học, bài báo đã phân tích và đánh giá động cơ, kì vọng và sự chuẩn bị cho việc học đại học của sinh viên kế toán năm nhất. Kết quả cho thấy sinh viên có kì vọng rất lớn trong việc phát triển tri thức và các kỹ năng cần thiết cho tương lai sau này; tuy nhiên, hiểu biết về ngoại ngữ, vi tính, sự sẵn sàng cho quá trình học đại học cũng như lòng yêu nghề, cụ thể là sự say mê đối với nghề kế toán vẫn chưa được bộc lộ rõ nét. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số kiến nghị đối với các nhà quản lý giáo dục nhằm giúp các bạn tân sinh viên có những bước khởi đầu tốt trên chặng đường học tập và rèn luyện về sau.

**Từ khóa:** Động cơ, kì vọng, sự chuẩn bị, sinh viên kế toán.

### 1. Mở đầu

Hiện nay, nhiều trường đại học được thành lập đồng nghĩa với việc cánh cổng vào đại học sẽ mở rộng hơn đối với hàng triệu bạn trẻ. Tuy nhiên, việc chuyển từ bậc phổ thông trung học sang đại học có thể là một quá trình khó khăn đối với nhiều sinh viên khi bước vào một môi trường giáo dục mới, nhất là năm đầu tiên. Vào thời điểm này, rất nhiều bạn gặp thất bại về tâm lý, tình cảm, phương pháp học tập... dẫn đến việc chán học, cúp học hay bỏ học giữa chừng... ảnh hưởng đến gia đình, nhà trường cũng như lãng phí tuổi trẻ, tiền bạc. Trong thời gian qua trên thế giới, đã có nhiều nghiên cứu về sự sẵn sàng, nhận thức của sinh viên khi bước vào môi trường đại học như nghiên cứu của Ellen P. W. A. Jansen và Jacques van der Meer (2011) [1], Marann Byrne và cộng sự (2011) [2], Marann Byrne & Barbara Flood (2005) [3]... tại các nước như Ireland, Mỹ, Tây Ban Nha, Hy Lạp... Tuy nhiên, tại Việt Nam, vấn đề này vẫn còn khá mới mẻ và có rất ít các nghiên cứu được thực hiện.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, các nhà giáo dục đang tìm cách phát huy tối đa chất lượng học tập và rèn luyện của sinh viên thì việc xem xét mối quan hệ giữa sinh viên và môi trường học tập là rất quan trọng. Từ nhu cầu thực tiễn xã hội và kế thừa các nghiên cứu trước như đã đề cập, bài báo nhằm phân tích và đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến việc học tập của sinh viên dựa trên cách tiếp cận mới và tiếp tục xem xét xa hơn các yếu

---

Ngày nhận bài: 19/1/2019. Ngày sửa bài: 29/2/2019. Ngày nhận đăng: 12/4/2019.

Tác giả liên hệ: Lê Thị Bảo Như. Địa chỉ e-mail: [lebaonhu@gmail.com](mailto:lebaonhu@gmail.com)

tổ liên quan, cụ thể là nhận thức của sinh viên kế toán năm nhất bao gồm động cơ của sinh viên khi vào đại học, sự chuẩn bị và mong đợi của sinh viên trong quá trình học. Kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp thông tin cho các cán bộ giáo dục nhận định và hiểu rõ hơn về nhu cầu, nguyện vọng của sinh viên để có những biện pháp cải tiến chương trình học, chương trình ngoại khóa và đánh giá hiệu quả hơn phương pháp giảng dạy.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Phương pháp nghiên cứu

Kế thừa nghiên cứu của Marann Byrne và cộng sự (2011) [2], Claudia Teixeira và cộng sự (2015) [4], Đỗ Sông Hương và cộng sự (2015) [5], đồng thời điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện hiện tại ở Việt Nam, tác giả đề xuất bảng câu hỏi gồm 3 phần chính là động cơ, kì vọng và sự chuẩn bị cho việc học đại học. Ngoài ra, sinh viên còn được khảo sát về tầm quan trọng của các ý kiến bên ngoài ảnh hưởng đến quyết định vào đại học cũng như lí do chọn ngành kế toán.

Nghiên cứu được tiến hành qua 2 giai đoạn. Giai đoạn nghiên cứu sơ bộ nhằm tham khảo ý kiến chuyên gia về nội dung phiếu khảo sát và tiến hành phỏng vấn thử để kiểm tra cách thể hiện, ngôn ngữ trình bày. Trong giai đoạn nghiên cứu chính thức, tác giả tiến hành khảo sát sinh viên năm nhất ngành kế toán tại trường Đại học Phan Thiết, Đại học Bạc Liêu và Đại học Tây Nguyên. Các mục tiêu của nghiên cứu được giải thích để sinh viên hiểu và đảm bảo rằng câu trả lời được phản hồi một cách trung thực nhất. Có 264 sinh viên tham gia khảo sát, số phiếu hợp lệ là 247 phiếu.

### 2.2. Thực trạng động cơ, kì vọng và sự chuẩn bị cho việc học đại học của sinh viên

Các thủ tục thống kê và phân tích dữ liệu được thực hiện bằng SPSS 24. Sinh viên trả lời các câu / mục theo thang điểm 7 điểm Likert, thay đổi từ 1 (hoàn toàn phản đối / hoàn toàn không quan trọng / hoàn toàn đúng với tôi) đến 7 (hoàn toàn đồng ý / cực kì quan trọng / hoàn toàn sai với tôi). Bảng 1 cho thấy các giá trị hệ số Cronbach's Alpha cho 10 yếu tố của toàn bộ mẫu đều > 0.6 và hệ số tương quan biến tổng đều > 0.3.

**Bảng 1. Kiểm định Cronbach's Alpha**

Thang đo	Cronbach's Alpha	Thang đo	Cronbach's Alpha
Mục tiêu nghề nghiệp	0.766	Mức độ tự tin về bản thân	0.778
Phát triển cá nhân	0.761	Mức độ tự tin về mặt học thuật	0.823
Nhận thức cá nhân	0.677	Lí do chọn ngành kế toán	0.836
Cơ hội về mặt xã hội	0.820	Những người ảnh hưởng đến quyết định học đại học	0.794
Mức độ độc lập của sinh viên	0.801	Phát triển tri thức và kĩ năng	0.924

Ở Bảng 2, hệ số KMO = 0.757 > 0.5 và mức ý nghĩa của kiểm định Bartlett = 0.000 < 0.05. Đồng thời, các nhân tố đều có hệ số tải (Factor loading) > 0.5 (trình bày ở các Bảng 3, 4, 5, 6, 7), tổng phương sai trích bằng 61.055% > 50% và hệ số eigenvalue > 1 thỏa mãn

*Động cơ, kì vọng và sự chuẩn bị cho việc học đại học của sinh viên năm nhất ngành kế toán*

các điều kiện của phân tích nhân tố EFA, hay nói cách khác, tất cả các biến quan sát đều đáp ứng tốt các điều kiện để tiến hành phân tích.

**Bảng 2. Kiểm định KMO và Bartlett's**

<b>KMO and Bartlett's Test</b>		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.757
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-	4206.103
	df	630
	Sig.	.000

### 2.3. Động cơ

Sinh viên có nhiều lí do để học đại học, có thể xuất phát từ nguyên nhân khách quan bên ngoài hoặc bản thân mong muốn làm công việc yêu thích, muốn trao dồi kiến thức và kĩ năng... Không ít trường hợp sinh viên sợ thi rớt, sợ phụ lòng mong đợi của cha mẹ thầy cô, muốn được học đại học cho bằng bạn bằng bè... Trong nghiên cứu này, sinh viên đã trả lời các câu hỏi cho thấy mức độ quan trọng của các yếu tố về động cơ vào đại học. Kết quả khảo sát như sau:

**Bảng 3. Động cơ vào đại học của sinh viên**

	<b>Minimum</b>	<b>Maximum</b>	<b>Mean</b>	<b>Std. Deviation</b>	<b>Factor loading</b>
<b>Mục tiêu nghề nghiệp</b>	1	7	5.0673	1.16632	
Bằng đại học sẽ mở ra những cơ hội mới trong tương lai	1	7	5.16	1.38	0.795
Bằng đại học sẽ giúp bạn có được một công việc tốt	1	7	5	1.397	0.861
Bằng đại học sẽ giúp có thu nhập tốt hơn	1	7	5.03	1.439	0.521
<b>Nhận thức cá nhân</b>	1	7	3.1619	1.51641	
Học đại học vì người thân/thầy cô/ bạn bè ... mong muốn tôi vào đại học	1	7	3.65	2.054	0.549
Ngoài học đại học ra cũng không biết mình muốn gì	1	7	3.23	2.023	0.646
Tôi thực sự muốn học đại học	1	7	3.38	1.771	0.606
Tất cả bạn bè đều đi học đại học nên tôi cũng thế	1	7	2.63	1.737	0.773
<b>Phát triển cá nhân</b>	1	7	5.5619	1.05868	
Môi trường đại học giúp tăng kiến thức và kĩ năng hữu ích	1	7	5.44	1.316	0.603

trong cuộc sống					
Học đại học để trao đổi kiến thức và phát triển bản thân	1	7	5.73	1.125	0.898
Học đại học sẽ có những trải nghiệm mới và đối mặt với những thử thách mới	1	7	5.53	1.298	0.641
<b>Cơ hội về mặt xã hội</b>	1	7	4.8497	1.41734	
Vào đại học để tham gia các hoạt động xã hội và thể thao	1	7	3.69	1.728	0.820
Vào đại học để có cơ hội gặp gỡ và kết bạn mới	1	7	4.68	1.648	0.805

\* *Minimum: Giá trị thấp nhất, Maximum: Giá trị cao nhất, Mean: Giá trị trung bình, Std. Deviation: Độ lệch chuẩn, Factor loading: Hệ số tải*

Rõ ràng yếu tố phát triển cá nhân (Mean = 5.5619) và mục tiêu nghề nghiệp (Mean = 5.0673) là động cơ chính để sinh viên chọn học đại học. Trong yếu tố phát triển cá nhân, học đại học để trao đổi kiến thức và phát triển bản thân (Mean = 5.73) có ảnh hưởng lớn nhất đến động cơ vào đại học của sinh viên. Yếu tố cơ hội về mặt xã hội như có cơ hội để gặp gỡ và kết bạn mới cũng có ảnh hưởng đáng kể (Mean = 4.68). Có rất ít sinh viên cảm thấy mình trôi dạt vào đại học, yếu tố nhận thức cá nhân có giá trị trung bình ở mức thấp (Mean = 3.1619), tất cả bạn bè đều đi học đại học nên tôi cũng thế (Mean = 2.63) chứng tỏ sinh viên ít bị ảnh hưởng bởi quyết định của bạn bè khi quyết định vào đại học.

Ngoài ra, tác giả còn thực hiện khảo sát các ý kiến của những người xung quanh ảnh hưởng như thế nào đến quyết định vào đại học của sinh viên, kết quả như Bảng 4. Trong các ý kiến của những người xung quanh, ý kiến của người thân ảnh hưởng đến sinh viên nhiều nhất (Mean = 4.32), còn các ý kiến từ giáo viên, bạn bè, họ hàng, tư vấn viên hướng nghiệp có ảnh hưởng ít hơn, giá trị trung bình dao động từ 3.4 đến 3.88. Điều này cho thấy khi vào đại học, những góp ý của người thân như cha, mẹ, anh chị em ruột đóng vai trò hết sức quan trọng.

**Bảng 4. Ý kiến ảnh hưởng đến quyết định học đại học**

	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Factor loading
<b>Những người ảnh hưởng đến quyết định học đại học</b>	1	7	3.772	1.38738	
Người thân	1	7	4.32	1.853	0.537
Giáo viên	1	7	3.86	1.815	0.808
Bạn bè	1	7	3.41	1.745	0.894
Họ hàng	1	7	3.4	1.791	0.558
Tư vấn hướng nghiệp	1	7	3.88	1.927	0.629

*Minimum: Giá trị thấp nhất, Maximum: Giá trị cao nhất, Mean: Giá trị trung bình, Std. Deviation: Độ lệch chuẩn, Factor loading: Hệ số tải*

## 2.4. Kì vọng

Ở bậc giáo dục đại học, sinh viên kì vọng phát triển tri thức, kĩ năng và phát triển các cơ hội về mặt xã hội. Theo đó, sinh viên được yêu cầu cho biết họ suy nghĩ như thế nào về thời gian học đại học và mong đợi trường đại học sẽ giúp họ đạt được những kết quả gì. Bảng 5 cho thấy rằng sinh viên có kì vọng rất tích cực về mặt phát triển tri thức và kĩ năng (Mean = 6.0286) cũng như cơ hội về mặt xã hội (Mean = 4.8497). Các sinh viên mong đợi nhà trường sẽ giúp họ có kiến thức và kĩ năng cho cuộc sống sau này (Mean = 6.13), học hỏi được nhiều kiến thức mới (Mean = 6.06), trở thành người có giáo dục tốt hơn (Mean = 6.04) và có những trải nghiệm để trưởng thành và mở mang trí tuệ (Mean = 6.05). Thêm vào đó, các sinh viên cũng kì vọng rằng họ sẽ có được quãng thời gian tốt đẹp ở bậc đại học (Mean = 5.16). Điều này cho thấy sinh viên ý thức rõ học đại học là để chuẩn bị cho tương lai, đồng thời mong muốn phát triển bản thân ở nhiều khía cạnh, từ tri thức, kĩ năng đến hoạt động xã hội.

**Bảng 5. Kết quả kì vọng khi học đại học của sinh viên**

	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Factor loading
<b><i>Phát triển tri thức và kĩ năng</i></b>	3	7	6.0286	0.95736	
Phát triển các kĩ năng mới	1	7	5.91	1.178	0.711
Trải nghiệm để trưởng thành và mở mang trí tuệ	1	7	6.05	1.124	0.93
Để mở rộng tầm nhìn	1	7	5.98	1.147	0.894
Học hỏi được nhiều kiến thức mới	3	7	6.06	1.079	0.821
Trở thành người có giáo dục tốt hơn	3	7	6.04	1.114	0.744
Có kiến thức và kĩ năng cho cuộc sống sau này	2	7	6.13	1.106	0.719
<b><i>Cơ hội về mặt xã hội</i></b>	1	7	4.8497	1.41734	
Mong có được quãng thời gian tốt đẹp ở đại học	1	7	5.16	1.546	0.808
Vào đại học để gặp gỡ những người mới	1	7	4.7	1.616	0.899

*Minimum: Giá trị thấp nhất, Maximum: Giá trị cao nhất, Mean: Giá trị trung bình, Std. Deviation: Độ lệch chuẩn, Factor loading: Hệ số tải*

## 2.5. Sự chuẩn bị

Giáo dục đại học hướng đến cung cấp sinh viên sự hiểu biết sâu sắc về nội dung khóa học và nâng cao các kĩ năng nhận thức về thực tiễn cũng như cá nhân. Để đạt được những mục đích này, sinh viên phải tham gia vào các hoạt động học tập và hoàn thành các kì kiểm tra đánh giá ở nhà trường. Như đã đề cập, việc chuyển đổi từ bậc trung học phổ

thông sang giáo dục đại học có thể gây căng thẳng cho sinh viên và việc chuẩn bị để thích ứng với môi trường học tập mới có thể bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố. Bảng 6 cho thấy việc chuẩn bị cho giáo dục đại học của sinh viên chưa thực sự tốt, thể hiện ở mức độ tự tin về bản thân có giá trị trung bình chỉ đạt 3.7857, trong đó giá trị trung bình của yếu tố tự tin về ngoại ngữ và tin học lần lượt là 3.49 và 4.09, đây cũng là vấn đề nan giải về chất lượng đầu vào của sinh viên đối với các nhà quản lý giáo dục. Tuy nhiên, mức độ tự tin về mặt học thuật (Mean = 4.5321) và mức độ độc lập của sinh viên (Mean = 4.8898) lại có tín hiệu khả quan hơn. Sinh viên có thể sắp xếp cuộc sống của bản thân có giá trị trung bình là 5.15 chứng tỏ sinh viên có thể quản lý thời gian và công việc một cách hiệu quả khi được phân công nhiệm vụ nào đó.

**Bảng 6. Việc chuẩn bị cho giáo dục đại học của sinh viên**

	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Factor loading
<b>Mức độ tự tin về bản thân</b>	1	7	3.7857	1.46755	
Tôi tự tin về trình độ tin học của mình	1	7	4.09	1.606	0.701
Tôi tự tin về trình độ ngoại ngữ của mình	1	7	3.49	1.646	0.646
<b>Mức độ tự tin về mặt học thuật</b>	1	7	4.5321	1.28691	
Tôi tự tin có thể hoàn thành các bài tập của khóa học	1	7	4.67	1.469	0.742
Tôi tự tin có thể vượt qua các kì thi ở lần đầu tiên	1	7	4.43	1.518	0.865
Tôi tự tin có thể đạt được điểm trên trung bình ở các môn học	1	7	4.5	1.444	0.652
<b>Mức độ độc lập của sinh viên</b>	1	7	4.8898	1.20492	
Tôi có thể làm việc độc lập	1	7	4.74	1.594	0.599
Tôi có khả năng quản lý thời gian hiệu quả trong việc học tập	1	7	4.79	1.388	0.757
Tôi có thể sắp xếp cuộc sống bản thân	1	7	5.15	1.418	0.815

*Minimum: Giá trị thấp nhất, Maximum: Giá trị cao nhất, Mean: Giá trị trung bình, Std.*

*Deviation: Độ lệch chuẩn, Factor loading: Hệ số tải*

Ngoài ra, tác giả còn khảo sát lí do chọn ngành kế toán của sinh viên, các yếu tố như thích tính toán, có năng lực và kĩ năng phù hợp với việc học kế toán, mong muốn trở thành một kế toán viên tài năng, nghĩ làm kế toán sẽ có tương lai tươi sáng/ổn định hay

muốn biết thêm về kế toán... đều có ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành kế toán. Tuy nhiên, sự ảnh hưởng này gần với mức trung lập và giữa các yếu tố khảo sát cho kết quả không có sự khác biệt nhiều, giá trị trung bình từ 4.25 đến 4.63. Điều này cho thấy các bạn vẫn chưa thực sự chú tâm và yêu thích kế toán, xem kế toán là một nghề quan trọng, phải làm nhân viên kế toán khi ra trường.

**Bảng 7. Lí do chọn ngành kế toán**

	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Factor loading
<b>Lí do chọn ngành kế toán</b>	1	7	4.4363	1.40521	
Tôi thích tính toán	1	7	4.33	1.834	0.637
Tôi có năng lực và kĩ năng phù hợp với việc học kế toán	1	7	4.33	1.460	0.678
Tôi mong muốn trở thành một kế toán viên tài năng	1	7	4.63	1.962	0.819
Tôi nghĩ làm kế toán sẽ có tương lai tươi sáng/ổn định	1	7	4.25	1.762	0.64
Tôi muốn biết thêm về kế toán	1	7	4.63	1.962	0.793

*Minimum: Giá trị thấp nhất, Maximum: Giá trị cao nhất, Mean: Giá trị trung bình, Std. Deviation: Độ lệch chuẩn, Factor loading: Hệ số tải*

### **3. Kết luận**

Mục tiêu của giáo dục đại học là đào tạo nhân lực có đạo đức, có kiến thức, kĩ năng thực hành nghề nghiệp và năng lực nghiên cứu... phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Để phục vụ nhu cầu này, bài báo đã phân tích và đánh giá nhận thức của sinh viên năm nhất về động cơ, kì vọng và sự chuẩn bị của sinh viên khi bước vào môi trường đại học. Kết quả nghiên cứu cho thấy động cơ vào đại học của sinh viên đa dạng nhưng vẫn chung mục tiêu là chuẩn bị nghề nghiệp và phát triển bản thân, sinh viên kì vọng lớn vào những điều đại học sẽ mang lại, đặc biệt là kì vọng có được kiến thức và kĩ năng cho cuộc sống sau này. Đồng thời, sinh viên cũng đã có những bước chuẩn bị cho việc học đại học, tuy nhiên, khả năng sử dụng ngoại ngữ và vi tính vẫn còn hạn chế, chưa thật sự thể hiện sự yêu thích và nhiệt huyết đối với nghề kế toán.

Từ những kết quả nghiên cứu trên, việc giảng dạy và chương trình đào tạo tại các trường đại học có thể điều chỉnh theo hướng tập trung một số kĩ năng và định hướng học tập, chẳng hạn chú trọng phát triển các kĩ năng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong chương trình học. Các trường có thể sắp xếp lại chương trình đào tạo và các hoạt động hỗ trợ khác nhằm thúc đẩy phương pháp học tập tích cực của sinh viên, giúp sinh viên có cái nhìn đúng đắn về nghề nghiệp mình theo đuổi như tổ chức các cuộc thi học thuật về chuyên ngành, các buổi tập huấn, lớp học về kĩ năng lập kế hoạch và quản lí thời gian...

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ellen P. W. A. Jansen và Jacques van der Meer, 2012. *Ready for university? A cross-national study of students' perceived preparedness for university*. The Australian Educational Researcher, Volume 39, Issue 1, pp.1–16.
- [2] Marann Byrne và cộng sự, 2011. *Motivations, expectations and preparedness for higher education: A study of accounting students in Ireland, the UK, Spain and Greece*. Accounting Forum, Volume 36, Issue 2, June 2012, pp.134-144.
- [3] Marann Byrne & Barbara Flood, 2005. *A study of accounting students' motives, expectations and preparedness for higher education*. Journal of Further and Higher Education, 29:2, pp.111-124.
- [4] Claudia Teixeira và cộng sự, 2015. *Introductory Accounting Students' Motives, Expectations and Preparedness for Higher Education: Some Portuguese Evidence*. Accounting Education, 24:2, pp.123-145.
- [5] Đỗ Sông Hương và cộng sự, 2015. *Nghiên cứu động cơ, kì vọng và mức độ chuẩn bị học đại học của sinh viên ngành kế toán và kiểm toán tại trường đại học kinh tế. Đại học Huế*, Tạp chí khoa học và công nghệ Đại học Đà Nẵng số 4(89), tr.113-117.

## ABSTRACT

### **Motivation, expectation, and preparation for higher education of first-year accounting students**

Le Thi Bao Nhu

*Faculty of Finance - Accounting - Banking, University of Phan Thiet*

With the process of transformation and international integration, it is necessary to focus and improve the higher education quality. In order to facilitate the learning and reinforce of the skills for students in the early days of university entrance, the article explores the motivations, expectations and preparation for first-year accounting students. The results show that the students have great expectations in developing the knowledge and needed skills for the future; however, knowledge of foreign languages, computer skills, readiness for university studies as well as the passion for their job, especially, the passion for accounting has not been revealed clearly. Therefore, the author proposes suggestions for educational managers to help freshmen get a good start on the path of learning and training at the university.

**Key words:** Motivation, expectation, preparedness, accounting student.